

TIẾP CẬN NHÂN HỌC TRONG NGHIÊN CỨU VỀ NGUỒN GỐC CƯ DÂN HUẾ VÀ VÙNG PHỤ CẬN- NHỮNG MẢNG MÀU LÀM NÊN SẮC THÁI VĂN HÓA VÙNG ĐẤT NÚI NGỰ SÔNG HƯƠNG

(Anthropological approach in research on native residents
of Hue and its surroundings - The colors make up the “núi
Ngự - sông Hương” land’s cultural identity)^(*)

1. Trong công trình *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam* viết vào năm 1996, tác giả Trần Ngọc Thêm có đưa ra kiến giải về hệ tọa độ 3 chiều của văn hóa bao gồm: không gian văn hóa, thời gian văn hóa và chủ thể văn hóa nhằm xác định sắc thái chung, riêng của một vùng văn hóa. Quan niệm/ cách kiến giải đó cho thấy: khi muốn tìm hiểu về đặc trưng văn hóa của một vùng, miền nào đó không thể nào lại tách riêng các yếu tố hợp thành. Dù thế trong bài viết này do nhiều lý do chúng tôi chỉ đi vào tìm hiểu yếu tố con người/chủ thể của văn hóa (cụ thể hơn là tìm hiểu nguồn gốc các tộc người - chủ nhân của những mảng màu làm nên sắc thái văn hóa vùng đất núi Ngự, sông Hương).

2. Huế (rộng ra là Thừa Thiên Huế) là một vùng đất từ lâu đã có con người cư trú. Kết quả nghiên cứu thời tiền sử, sơ sử trên đất Thừa Thiên Huế trong thời gian qua cho thấy chậm nhất là vào thời Đá mới¹ trên vùng đất này đã có con người tụ cư. Tuy nhiên những con người của thời kỳ xa xưa ấy có phải là tổ tiên trực tiếp của những cư dân trên đất Thừa Thiên Huế hiện nay hay không còn đang chờ lời giải của các nhà khoa học. Dù vậy một điều có tính chất khẳng định qua các nghiên cứu về nguồn gốc cư dân ở Thừa

^(*) **TS. Nguyễn Xuân Hồng, Trưởng Bộ môn Nhân học-Công tác xã hội, Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế** (Head, Anthropology-Social work Department, Faculty of History, Hue University of Sciences)

¹ Kết luận này dựa trên cơ sở các kết quả nghiên cứu của giới khảo cổ học trong thời gian gần đây như các bài viết về dấu vết thời tiền sử, sơ sử trên đất Thừa Thiên Huế của TS. Lê Đình Phúc, ThS. Lê Duy Sơn.

Thiên Huế là vùng đất này luôn thể hiện tính liên tục, tính tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại về mặt cư trú của các thành phần tộc người. Theo Niên giám thống kê thành phố Huế năm 2008, hiện nay dân số của 24 phường nội thành và 3 xã ngoại thành là 339.822 người với nhiều tộc người anh em khác nhau cùng sinh sống. Trong các tộc người đó, nếu xét về mặt nguồn gốc, số lượng, thời gian cư trú, về việc tạo dựng, giữ gìn, bảo vệ và phát triển văn hóa (hay nói cách khác là cư dân bản địa - cư dân có những mảng màu làm nên sắc thái văn hóa Huế), theo chúng tôi gồm có dấu ấn văn hóa Chăm, văn hóa Kinh (Việt) và văn hóa Hán (Hoa). Đó cũng là lý do cốt lõi cho việc khi tìm hiểu về nguồn gốc cư dân Huế và vùng phụ cận, chúng tôi chỉ đi vào giới thiệu khái quát nguồn gốc của những bộ phận cư dân được xem là có quá trình sống lâu dài, gắn bó mật thiết với vùng đất. Cụ thể:

2.1. Về dấu ấn văn hóa Chăm và nguồn gốc của người Hoa

2.1.1. Thừa Thiên Huế nói chung, thành phố Huế và các vùng phụ cận nói riêng có một thời kỳ dài trong lịch sử từng là vùng đất sinh sống của người Chăm (Chàm) chủ nhân của vương quốc Chăm-pa-một vương quốc có nền văn hóa phát triển ở phía nam nước Đại Việt. Quốc gia Chăm-pa có những phát triển mạnh mẽ ở thế kỷ VII, VIII, IX, nhưng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan tác động đã bị suy yếu trong các thế kỷ XI, XII, dẫn đến sự mất hẳn của quốc gia này khi người Việt mở rộng bờ cõi xuống phía nam. Quốc gia mất nhưng người Chăm thì vẫn còn. Cố giáo sư Trần Quốc Vượng rất có lý khi cho rằng: “Có chiến tranh là có chết chóc, nhưng không hề có sự tiêu diệt và khu trục người Chăm ra khỏi vùng Thuận Hóa, Quảng Nam...”². Hơn thế, khi lần theo các dấu tích văn hóa Chăm trên đất Thừa Thiên Huế với những đền tháp (Liễu Cốc, Linh Thái, Mỹ Khánh, Ưu Đàm, Trạch Phổ, Vân Trạch Hòa...), thành lũy (Hóa Châu, Thành Lôi), các di vật, văn bia (có khắp trên các địa phương của tỉnh) và hậu duệ của các dòng họ Ôn, Ma, Trà, Chế... chúng ta càng thấy rõ hơn nhận định đó. Như vậy người Chăm ở lại vùng Thuận Hóa sau khi quốc gia bị tiêu diệt

² *Đô thị cổ Hội An*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1991.

đâu chỉ có một nguồn từ cuộc hôn nhân Chế Mân - Huyền Trân mà còn là sự hiện diện của nhiều nguồn khác nữa. Tất cả những điều đó đã làm nên mảng màu văn hóa Chăm trong văn hóa Huế.

2.1.2. Người Hoa ở Thừa Thiên Huế hiện nay có số lượng không nhiều (khoảng 500 người) và sống tập trung ở thành phố Huế (phường Phú Hòa, Phú Cát, Phú Hiệp). Hiện tại chưa có tư liệu nào khẳng định chắc chắn thời điểm có mặt sớm nhất của người Hoa ở thành phố Huế và vùng phụ cận. Nhưng có thể nói cùng với sự ra đời của cảng Thanh Hà, của làng Minh Hương là sự có mặt của người Hoa trên vùng đất Thuận Hóa vào những năm cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII. Lúc đầu có thể người Hoa cư trú ở cảng Thanh Hà nhưng sau đó họ chuyển lên khu vực Bao Vinh, Chợ Dinh, Gia Hội và hình thành nên cộng đồng người Hoa ở Huế và vùng phụ cận trong nhiều thế kỷ qua. Người Hoa ở Huế và vùng phụ cận hiện nay vốn có nguồn gốc là người Hoa ở vùng Quảng Đông, Phúc Kiến của đất nước Trung Quốc. Có nhiều lý do cắt nghĩa cho việc người Hoa từ Trung Quốc di cư sang vùng đất Huế (buôn bán, làm ăn, chạy trốn sự truy nã của triều đại mới...), trong đó lý do chính trị gắn với sự kiện “Phản Thanh phục Minh” là lý do được nhiều người tán đồng nhất. Người Hoa ở Huế và vùng phụ cận hiện nay làm nhiều công việc khác nhau để mưu sinh, tuy nhiên công việc sở trường của họ vẫn là công việc buôn bán, các dịch vụ thương nghiệp... Với những công việc này cộng với truyền thống văn hóa dân tộc, trong quá khứ cũng như hiện tại, cộng đồng người Hoa ở Huế và vùng phụ cận đã tạo nên một mảng màu trong văn hóa Huế.

2.2. Về nguồn gốc dân tộc Kinh (Việt)

Như chúng ta đã biết người Kinh (Việt) là tộc người có số lượng dân số đông nhất ở Huế và vùng phụ cận. Ngược dòng thời gian về thời kỳ tiền sử, sơ sử, người Kinh hiện nay ở Huế và vùng phụ cận có gì liên quan với chủ nhân các di chỉ khảo cổ trên vùng đất này còn phải chờ kết luận của các nhà khảo cổ học. Tuy nhiên theo các tư liệu thành văn³ người Kinh (Việt) có mặt ở Huế và vùng phụ cận thì muộn hơn nhiều. Các tài liệu thành văn có được, khi nói đến sự có mặt của

³ Gồm các tác phẩm xưa, các tác phẩm của các triều đại phong kiến, văn bia, gia phả, các công trình nghiên cứu hiện nay.

người Kinh (Việt) ở Thừa Thiên Huế nói chung, khu vực Huế và vùng phụ cận nói riêng thường lấy sự kiện cuộc hôn nhân của vua Chế Mân và Huyền Trân công chúa dưới thời Trần Anh Tông, niên hiệu Hưng Long thứ 14 (1306) để nhắc đến sự có mặt đầu tiên của người Kinh (Việt) trên vùng đất này. Như thế với cuộc hôn nhân lịch sử Chiêm - Việt, châu Ô, châu Lý đã thuộc về chủ quyền quốc gia Đại Việt và cũng từ đó cho đến nay liên tiếp, dồn dập diễn ra những đợt di dân lớn nhỏ từ Bắc vào, từ Nam ra trên vùng đất Huế. Đó là những đợt di dân:

- Đợt di dân theo Huyền Trân công chúa đầu thế kỷ XIV.

- Đợt di dân từ miền Bắc vào giữa thế kỷ XVI, khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ xứ Thuận - Quảng.

- Đợt di dân từ Quy Nhơn, từ miền Nam ra thời Nguyễn Huệ và thời đầu các vua Nguyễn (cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX).

- Đợt di dân từ miền Bắc vào của những năm 1954 - 1955.

- Đợt di dân từ Quảng Trị vào năm 1972.

- Và cũng cần kể đến sự hội tụ của người Kinh, của các vùng/miền khác nhau của đất nước đến Thừa Thiên Huế nói chung và Huế cùng vùng phụ cận nói riêng từ sau năm 1975 (năm miền Nam hoàn toàn giải phóng) cho đến tận bây giờ.

Kết quả của những cuộc di dân đó đã hình thành nên cộng đồng người Kinh sống ở trên đất liền, cũng như trên sông nước ở Huế và vùng phụ cận hiện nay. Tuy nhiên trong các đợt di dân của người Kinh (Việt) đến vùng đất này như đã nói trên thì đợt di dân thời kỳ các chúa Nguyễn là lớn, ồ ạt nhất và đáng quan tâm nhất. Bởi vì, theo chúng tôi, kết quả di dân của thời kỳ này đã góp phần quan trọng vào việc làm nên diện mạo văn hóa của một vùng đất với những gì mà chúng ta biết hiện nay... Có thể nói quá trình tụ cư của người Kinh (Việt) trên đất Thừa Thiên Huế nói chung, Huế và vùng phụ cận nói riêng là một quá trình liên tục, lâu dài. Quê hương bản quán của người Kinh (xưa và nay) trên đất này có thể ở vùng Sơn Nam, Sơn Tây, Kinh Bắc và nhiều nơi khác nữa,⁴

⁴ Huỳnh Đình Kết, "Làng mạc xứ Huế: Những tiếp cận ban đầu", Kỷ yếu hội thảo Kỷ niệm 690 năm Thuận Hóa - Thừa Thiên Huế, Huế, 1996.

nhưng đông hơn vẫn là vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh. Điều này đã được Dương Văn An nói rõ trong tác phẩm *Ô Châu cận lục*, khi xét đến nguồn gốc dân cư Thuận Hóa: “*Nhân dân thì đàn ông khá cường cường, đàn bà hơi mềm mại. Tiếng nói hơi giống tiếng miền Hoan Ái*”.⁵ Lý do, hoàn cảnh, thân phận của những người Kinh (Việt) đến Huế và vùng phụ cận là hoàn toàn không giống nhau. Có thể họ di cư đến vùng đất này một cách tự nguyện, xuất phát từ một thôi thúc, một tình cảm, nhưng cũng có thể bị lưu đày, bị bắt buộc. Theo sự tổng kết của tác giả Phan Khoang thì vào thời Lê - Trịnh - Nguyễn nhân dân Thuận Hóa bao gồm những thành phần rất phức tạp. Ngoài những người chăm lo cày cấy làm ăn, còn có những người theo nhà Mạc, hoặc khuấy động cho nhà Mạc, những người tù đày, những người du đảng, phiêu lưu từ các miền Thanh - Nghệ - Tĩnh hoặc xa hơn nữa đã xâm nhập qua các thời đại, đi tìm may mắn ở miền đất mới. Họ là những quân nhân bất mãn họ Trịnh hoặc bị lầm lỗi bỏ chạy vào Nam, những thổ hào, thổ tù ương ngạnh, những nhiều lương dân.⁶ Trong thời kỳ cận đại nhất là thời kỳ hiện đại còn là những người vợ theo chồng, chồng theo vợ, hay những người được thuyên chuyển theo yêu cầu của công việc, học tập, nghiên cứu khoa học... Quả là hoàn cảnh, địa vị, thân phận, mục đích của những người Kinh đến Huế và vùng phụ cận là rất khác nhau, bên cạnh những điểm chung giống nhau là muốn theo dòng chảy “quá trình Nam tiến” của dân tộc một cách vô ý thức hay có ý thức. Có thể nói trên con đường phát triển về phía Nam của dân tộc, những người Kinh từ khắp các địa phương khác nhau của miền Bắc khi dừng chân ở Thừa Thiên Huế nói chung, Huế và vùng phụ cận nói riêng đã lấy vùng đất này làm quê hương và sáng tạo nên những giá trị văn hóa mang sắc thái của miền núi Ngự, sông Hương.

3. Những nhận biết về mặt cư dân Huế và vùng phụ cận trên đây cho thấy:

⁵ Dương Văn An, *Ô Châu cận lục*, Văn hóa Á Châu xuất bản, Sài Gòn, 1961, tr. 93.

⁶ Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong 1554-1777*, Khai Trí xuất bản, Sài Gòn, 1967, tr. 139.

- **Thứ nhất:** Xét về mặt thành phần, nguồn gốc tộc người, từ rất lâu trong lịch sử tại Huế và vùng phụ cận đã có sự cộng cư, sinh sống của nhiều bộ phận cư dân khác nhau. Đó là các cư dân thuộc ngữ hệ Nam Á (người Việt), cư dân thuộc ngữ hệ Nam đảo (người Chăm) và cư dân thuộc ngữ hệ Hán- Tạng (người Hoa).

Dù thể giống và khác với các vùng miền khác của đất nước Việt Nam, từ rất sớm các cư dân tại vùng đất này xét về mặt nhân chủng đã có sự hỗn dung đa phương đa truyền. Đó là trường hợp người Việt lấy người Chăm (mà câu chuyện tình bi ai của Huyền Trân công chúa với ông vua Chế Mân là một ví dụ), người Việt lấy người Hoa trong các làng Minh Hương... Có thể nói từ rất lâu những con người sống trên vùng đất Huế và phụ cận đã có sự pha trộn dòng máu giữa các thành phần tộc người với nhau, làm nên bức tranh thành phần tộc người khá đặc thù của một vùng đất.

- **Thứ hai:** Mỗi một thành phần tộc người (Chăm, Việt, Hoa) trên đất Huế và vùng phụ cận trong quá trình hình thành, tồn tại và phát triển của mình đều sáng tạo nên những giá trị văn hóa riêng của từng tộc người. Những giá trị văn hóa riêng đó là lễ sống, là niềm tin, là động lực giúp các tộc người thích ứng với mọi điều kiện/ vượt qua mọi thử thách cản trở của lịch sử, xã hội, tự nhiên. Dù vậy, những cái riêng đó do nhiều nguyên nhân tác động (yêu cầu cố kết sống còn của một vùng đất/ của một quốc gia đa dân tộc, sự thúc ép dữ dội của những lựa chọn/ những thách đố, hệ quả của một quá trình cộng cư, cộng cảm, cộng mệnh lâu dài...) nên không bao giờ là cái riêng tách rời, đối chọi. Có thể nói những cái riêng đó qua tiến trình lịch sử của vùng đất đã quan hệ, trộn lẫn, tiếp thu bổ sung, hòa quyện với nhau dẫn tới một sự thống nhất trong đa dạng, làm nên một tiểu vùng văn hóa, một sắc thái văn hóa núi Ngự, sông Hương.

- **Thứ ba:** Trong các thành phần tộc người ở Huế và vùng phụ cận, tộc người Kinh (Việt) của quá trình “Nam tiến” xét trên nhiều phương diện là tộc người chủ thể của vùng đất. Chính vì vậy khi nói đến “dải tần văn hóa” (Nguyễn Khắc Thái, 1996) Việt về mặt nguồn gốc trong tiếp cận nhân học đối với con người và vùng đất Huế, chúng tôi xin đưa ra những nhận xét sau:

+ Một là: Trong các tính cách của cư dân Huế và vùng phụ cận hiện nay vẫn ẩn chứa tính cách của những người đi mở đất thuở trước. Có thể nói dòng máu của những người dân Kinh Bắc và đậm đặc hơn là dòng máu dân Thanh - Nghệ - Tĩnh vẫn lưu giữ trong dòng máu người dân xứ Huế. Có như vậy chúng ta mới hiểu được một Trần Văn Kỳ dũng cảm, mưu lược trong đoàn quân áo vải Tây Sơn, một nhân dân trung dũng kiên cường trong 2 cuộc kháng chiến...

+ Hai là: Huế có một quá trình đô thị hóa lâu đời, và như nhà Huế học Nguyễn Xuân Hoa trong bài “Nhìn lại quá trình đô thị hóa ở Thừa Thiên Huế: Đôi điều về địa danh và tổ chức hành chính”⁷ cho biết đến nay Huế đã trải qua 5 lần đô thị hóa nên như một lẽ đương nhiên, những tố chất/tính cách thị thành của người dân xứ Huế có từ rất sớm và dường như đã trở thành máu thịt. Những “tố chất thị thành” hay lối sống thành thị của người dân xứ Huế chính là việc phân biệt và giữ lại một cách tương đối lâu bền/ rạch ròi các tầng cấp giai tầng trong xã hội thể hiện qua tích cách/danh xưng “dân mệ” của ngày hôm qua và cả ngày hôm nay. Đó là lối ứng xử/ quan hệ của con người; xã hội cộng đồng - một lối ứng xử gần gũi, thân thiết, gắn bó nhưng không suông sã, xô bồ, ồn ào mà kín đáo, cách ngăn, lịch sự, văn minh. Đó là lối sống của tầng lớp quý tộc/ quan viên xưa khi mà trong vương phủ của họ “cửa lầu cao lớn, rộng rãi”⁸ nhưng vẫn có vườn với “... trái chín, dứa kết, chuối xanh, giậu thuốc thấp cao, giàn hoa rực rỡ. Khổng Tước lượn bay phía dưới, hươu nai ăn ngủ bên trong”⁹. Đó là lối sống những người nông dân/ dân quê “những sắc mực ở dân gian cũng mặc áo đoạn hoa bát ti và áo sa, lương, địa làm đồ mặc vào thường ngày, lấy áo vải mộc làm hồ then... Đàn bà, con gái thì đều mặc áo the là, hàng hoa và thêu hoa ở cổ tròn”¹⁰. Như thế với một lối sống thị thành như được nuôi dưỡng trong sự tái tạo của tự nhiên với một tầng lớp quan viên xưa

⁷ Nguyễn Xuân Hoa, “Nhìn lại quá trình đô thị hoá ở Thừa Thiên Huế: Đôi điều về địa danh và tổ chức hành chính”, Kỷ yếu hội thảo *Tiến trình phát triển đô thị Huế: Đặc trưng và kinh nghiệm*, Huế, 2005.

⁸ Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, 1963, tr. 32

⁹ Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế, 1959, tr. 32.

¹⁰ Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Bản dịch Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 1994, tr. 369.

(và ngay cả nay) vẫn say mê với vườn cây, ao cá, với một tầng lớp nông dân chân lấm tay bùn, nặng nghĩa với ruộng đồng nhưng lại lấy làm hổ thẹn khi mặc áo vải mộc (vải thô) thì lối sống thị thành của người dân Huế không giống với lối sống của người dân Hà Nội ngàn năm văn hiến, của người dân “tứ chiếng” Sài Gòn năng động, công nghiệp, hối hả, ồn ào, hay một thành phố nào đó của thời kỳ công nghiệp hóa-hiện đại hóa hiện nay...

+ Ba là: Huế là đất học, là nơi nhân nguồn của những người làm quan, các nhà lãnh đạo cho mọi miền của đất nước. Hiện tại trên địa bàn của thành phố Huế có 12 trường Đại học, Cao đẳng và Trung học (báo cáo tổng hợp đề án “Xây dựng thành phố Huế - thành phố Festival”) với một khối lượng sinh viên và giáo viên đông đảo. Điều đó nói lên chất tri thức/ chất học giả, chất lượng cao về trình độ học vấn chuyên môn, nghề nghiệp của người dân xứ Huế.

+ Bốn là: Đời sống văn hóa truyền thống, đời sống tâm linh của người dân Huế và vùng phụ cận có cái gì đó hết sức đặc biệt. Huế là nơi tập trung và lưu giữ khá nguyên vẹn nhiều tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể truyền thống cung đình, dân gian nổi trội, nơi có một hệ thống lễ hội đa dạng, phong phú, nơi có hàng trăm ngôi chùa, nhà thờ, am miếu, nơi mà vào những ngày 30, mùng 1 hàng tháng đâu đâu cũng có khói hương như muôn nơi với chúng ta một cái gì đó về tâm tính của người dân thị thành nơi núi Ngự, sông Hương - tâm tính nặng về tâm linh, suy tưởng.

4. Những điều trình bày trên đây của chúng tôi về nguồn gốc dân cư Huế và vùng phụ cận chỉ là những phác họa/khái quát về nguồn gốc của các chủ thể văn hóa. Điều mà chúng tôi muốn nói ở đây là chúng ta đã có những kết quả nghiên cứu rất có giá trị về thời gian, không gian văn hóa và chúng ta cũng cần có nhiều hơn nữa những nghiên cứu về chủ thể văn hóa của Huế và vùng phụ cận. Nhân học với cách hiểu là khoa học nghiên cứu về bản chất/tính cách con người, xã hội con người trên cả hai chiều đồng đại và lịch đại đang hứa hẹn những điều khám phá mới về nguồn gốc con người của vùng đất có nhiều “dải tần văn hóa” như Huế.